

Số:

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai đánh giá thực hiện dự toán thu –
chi ngân sách Quý 1 năm 2025 của Trường trung học cơ sở
- Trung học phổ thông Thạnh An**

*Căn cứ quyết định số 2970/QĐ-UBND ngày 18 tháng 07 năm 2018 của Ủy
ban nhân dân thành phố về thành lập Trường trung học cơ sở - Trung học phổ
thông Thạnh An trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ
Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân
sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 về sửa đổi,
bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017
của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân
sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 03 năm 2021 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Trung học cơ
sở, Trường trung học phổ thông và trường phổ thông cho nhiều cấp học;*

*Căn cứ Quyết định số 4379/QĐ-SGDĐT, ngày 24 tháng 12 năm 2024 của
Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao bổ sung dự toán
thu – chi ngân sách nhà nước năm 2025.*

Căn cứ chức năng, quyền hạn của Hiệu trưởng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai đánh giá thực hiện dự toán thu – chi ngân sách nhà
nước Quý 1 năm 2025 của Trường trung học cơ sở - Trung học phổ thông Thạnh An
(theo biểu đính kèm)

Điều 2. Đánh giá thực hiện dự toán thu – chi ngân sách Quý 1 năm 2025 được
công khai đến toàn thể Cán bộ, giáo viên, nhân viên trên cổng thông tin điện tử.

Điều 3. Các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Website đơn vị;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Bảo Ngọc

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai Quyết định công bố công khai đánh giá thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý I (3 tháng) năm 2025 của Trường Trung học cơ sở – Trung học phổ thông Thạnh An

Thời gian: 08 giờ 30 phút ngày 14 tháng 4 năm 2025

Địa điểm: Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Thạnh An.

Thực hiện công khai Quyết định về việc công bố công khai đánh giá thực hiện dự toán thu – chi ngân sách nhà nước quý 1 năm 2025 của Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Thạnh An bằng hình thức: Niêm yết.

Thành phần lập biên bản

1. Ông Nguyễn Bảo Ngọc, Chức vụ: Hiệu trưởng, Thủ trưởng đơn vị.
2. Ông Lê Minh Nhựt, Chức vụ: Chủ tịch công đoàn, Đại diện Công đoàn cơ sở.
3. Ông Nguyễn Văn Tranh, chức vụ: Giáo viên – Trưởng ban thanh tra nhân dân.
4. Bà Trần Thị Kim Trăng, Chức vụ: Tổ trưởng văn phòng – thư ký hội đồng

Nội dung:

Thực hiện việc niêm yết công khai Quyết định về việc công bố công khai đánh giá thực hiện dự toán thu – chi ngân sách nhà nước Quý 1 năm 2025 của Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Thạnh An cụ thể như sau:

- I. Vị trí niêm yết: tại Websites Trường trung học cơ sở - Trung học phổ thông Thạnh An và Bảng tin Trường trung học cơ sở - Trung học phổ thông Thạnh An.
- II. Số lượng bản niêm yết: 04 bản
- III. Niêm yết các bản cụ thể như sau:
 1. Quyết định về việc công bố công khai đánh giá thực hiện dự toán thu – chi ngân sách Quý 1 năm 2025 của của Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Thạnh An

2. Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính (năm 2025).

3. Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước (Quý 1/2025) .

4. Bảng đối chiếu tình hình sử dụng kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại kho bạc nhà nước (Quý 1/2025).

**ĐẠI DIỆN
CÔNG ĐOÀN**



Lê Minh Nhựt

**Trưởng ban
TTND**



**Nguyễn Văn
Tranh**

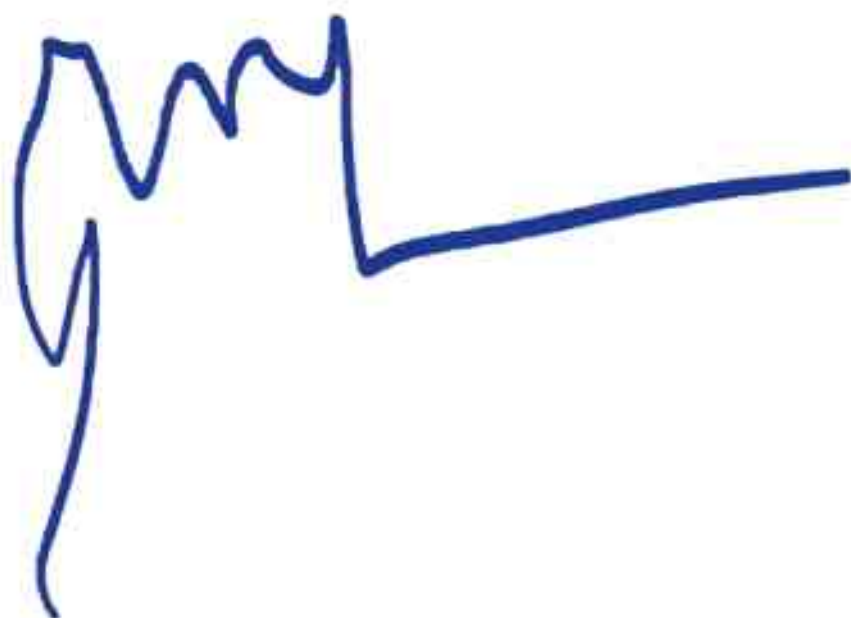
**Thư ký hội
đồng**



**Trần Thị
Kim Trăng**

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Bảo Ngọc





Biên bản 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

HCS-THPT Thanh An

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2025

(Quyết định số 4379/QĐ-SGDĐT ngày 24/12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Tp.HCM)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thương xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thương xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	14.897.360.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	14.897.360.000
1	Chi quản lý hành chính	
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
22	Kinh phí nhiệm vụ thương xuyên theo chức năng	
23	Kinh phí nhiệm vụ không thương xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	14.897.360.000
31	Kinh phí nhiệm vụ thương xuyên	7.372.246.000
32	Kinh phí nhiệm vụ không thương xuyên	7.525.114.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	

41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	

Đơn vị: Trường THCS-THPT Thạnh An

Chương: 422

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	

3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Tháng 1 đến tháng 3 Năm 2025

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
13	074	00000	288.586.195	5.319.246.000	5.319.246.000	5.319.246.000	5.607.832.195	1.450.812.293	1.450.812.293	0	0	0	4.157.019.902
12	074	00000	0	2.115.114.000	2.115.114.000	2.115.114.000	2.115.114.000	438.239.238	438.239.238	0	0	0	1.676.874.762
14	074	00000	560.339.780	7.111.000.000	7.111.000.000	7.111.000.000	7.671.339.780	0	0	0	0	0	7.671.339.780
18	074	00000	0	352.000.000	352.000.000	352.000.000	352.000.000	0	0	0	0	0	352.000.000
Cộng:			848.925.975	14.897.360.000	14.897.360.000	14.897.360.000	15.746.285.975	1.889.051.531	1.889.051.531	0	0	0	13.857.234.444
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 8 tháng 4 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Loan

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 8 tháng 4 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Tran Thi Kim Loan
Ngày ký: 08/04/2025 16:59:28
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước Khu vực II

Tran Thi Kim Loan

Người ký: Phan Thị Hồng Thúy
Ngày ký: 08/04/2025 09:31:21
Đơn vị: Trường THCS-THPT Thanh An

Phan Thị Hồng Thúy

Người ký: Nguyễn Bảo Ngọc
Ngày ký: 08/04/2025 09:33:14
Đơn vị: Trường THCS-THPT Thanh An

Nguyễn Bảo Ngọc

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Tháng 1 đến tháng 3 Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	13	074	6001	00000	0	0	813.478.947	813.478.947	813.478.947	813.478.947
Phụ cấp chức vụ	13	074	6101	00000	0	0	18.036.681	18.036.681	18.036.681	18.036.681
Phụ cấp khu vực	13	074	6102	00000	0	0	25.272.000	25.272.000	25.272.000	25.272.000
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	13	074	6107	00000	0	0	2.808.000	2.808.000	2.808.000	2.808.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	074	6112	00000	0	0	219.533.652	219.533.652	219.533.652	219.533.652
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	074	6113	00000	0	0	4.498.500	4.498.500	4.498.500	4.498.500
Phụ cấp khác	13	074	6149	00000	0	0	6.010.500	6.010.500	6.010.500	6.010.500
Bảo hiểm xã hội	13	074	6301	00000	0	0	140.617.606	140.617.606	140.617.606	140.617.606
Bảo hiểm y tế	13	074	6302	00000	0	0	24.814.873	24.814.873	24.814.873	24.814.873
Kinh phí công đoàn	13	074	6303	00000	0	0	11.947.487	11.947.487	11.947.487	11.947.487
Bảo hiểm thất nghiệp	13	074	6304	00000	0	0	8.271.624	8.271.624	8.271.624	8.271.624
Các khoản đóng góp khác	13	074	6349	00000	0	0	4.135.813	4.135.813	4.135.813	4.135.813
Tiền điện	13	074	6501	00000	0	0	14.971.742	14.971.742	14.971.742	14.971.742
Tiền vệ sinh, môi trường	13	074	6504	00000	0	0	1.110.518	1.110.518	1.110.518	1.110.518
Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	13	074	6605	00000	0	0	1.522.700	1.522.700	1.522.700	1.522.700
Khoản điện thoại	13	074	6618	00000	0	0	2.400.000	2.400.000	2.400.000	2.400.000

Tiền vé máy bay, tàu, xe	13	074	6701	00000	0	0	6.860.000	6.860.000	6.860.000	6.860.000
Phụ cấp công tác phí	13	074	6702	00000	0	0	6.860.000	6.860.000	6.860.000	6.860.000
Khoản công tác phí	13	074	6704	00000	0	0	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000
Thuê phương tiện vận chuyển	13	074	6751	00000	0	0	5.400.000	5.400.000	5.400.000	5.400.000
Chi phí thuê mướn khác	13	074	6799	00000	0	0	1.210.000	1.210.000	1.210.000	1.210.000
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	13	074	6949	00000	0	0	18.360.000	18.360.000	18.360.000	18.360.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	074	7001	00000	0	0	10.225.350	10.225.350	10.225.350	10.225.350
Chi khác	13	074	7049	00000	0	0	13.928.000	13.928.000	13.928.000	13.928.000
Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc; chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy	13	074	7854	00000	0	0	7.058.300	7.058.300	7.058.300	7.058.300
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	12	074	6115	00000	0	0	71.159.868	71.159.868	71.159.868	71.159.868
Các khoản hỗ trợ khác	12	074	6199	00000	0	0	56.250.000	56.250.000	56.250.000	56.250.000
Bảo hiểm xã hội	12	074	6301	00000	0	0	12.097.177	12.097.177	12.097.177	12.097.177
Bảo hiểm y tế	12	074	6302	00000	0	0	2.134.795	2.134.795	2.134.795	2.134.795
Bảo hiểm thất nghiệp	12	074	6304	00000	0	0	711.598	711.598	711.598	711.598
Chi khác	12	074	6449	00000	0	0	124.050.000	124.050.000	124.050.000	124.050.000
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	12	074	7766	00000	0	0	171.480.000	171.480.000	171.480.000	171.480.000
Các khoản đóng góp khác	12	074	6349	00000	0	0	355.800	355.800	355.800	355.800
Thưởng khác	13	074	6249	00000	0	0	4.680.000	4.680.000	4.680.000	4.680.000
Chi khác	13	074	6449	00000	0	0	73.800.000	73.800.000	73.800.000	73.800.000
Cộng:					0	0	1.889.051.531	1.889.051.531	1.889.051.531	1.889.051.531
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 8 tháng 4 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Loan

Người ký: Tran Thi Kim Loan
Ngày ký: 08/04/2025 16:59:28
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước Khu vực II

Tran Thi Kim Loan

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 8 tháng 4 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Phan Thi Hồng Thúy
Ngày ký: 08/04/2025 09:31:21
Đơn vị: Trường THCS-THPT Thanh An

Người ký: Nguyễn Bảo Ngọc
Ngày ký: 08/04/2025 09:33:14
Đơn vị: Trường THCS-THPT Thanh An

Phan Thị Hồng Thúy

Nguyễn Bảo Ngọc